

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2012

Đơn vị tính: Đồng.

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3			6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	400.037.139.980	289.157.726.579	1.217.577.000.123	1.037.429.448.690
2. Các khoản giảm trừ	03	27	6.487.785.534	5.377.217.922	22.638.813.138	19.042.793.486
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	28	393.549.354.446	283.780.508.657	1.194.938.186.985	1.018.386.655.204
4. Giá vốn hàng bán	11	29	373.230.088.632	266.366.814.191	1.113.294.128.435	940.155.262.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.319.265.814	17.413.694.466	81.644.058.550	78.231.393.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	119.145.410	3.375.053.454	2.655.207.541	21.007.513.840
7. Chi phí tài chính	22	31	8.716.129.115	11.872.144.054	42.944.397.555	57.153.380.702
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.632.114.580	8.301.208.381	41.666.910.478	38.394.586.534
8. Chi phí bán hàng	24		3.873.690.989	3.623.951.717	13.127.170.986	11.886.651.341
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.174.915.446	5.244.890.920	18.662.711.950	15.336.411.939
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.673.675.674	47.761.229	9.564.985.600	14.862.462.870
11. Thu nhập khác	31		4.941.486.820	731.045.829	8.113.850.018	1.213.143.700
12. Chi phí khác	32		2.231.027.577	109.685.378	6.831.735.611	636.902.445

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.710.459.243	621.360.451	1.282.114.407	576.241.255
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết	50		1.314.520.468	623.672.406	890.198.830	2.859.928.556
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40+50)	60		6.698.655.385	1.292.794.086	11.737.298.837	18.298.632.681
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	61	32	3.628.396.711	162.958.161	5.924.261.511	2.186.280.410
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	100.111.230	225.194.565	9.152.492
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61+62)	70		3.070.258.674	1.229.947.155	5.587.842.761	16.121.504.763
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(110.326.389)	73.350.922	301.659.215	31.901.427
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công Ty mẹ	72		3.180.585.063	1.303.298.077	5.889.501.976	16.153.406.190

LẬP BIỂU

NGUYỄN ANH KIẾT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

LÊ THỊ THÚY NGÀ

Ngày 29 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC HẢI